Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp trong quan niệm của Buddhadasa

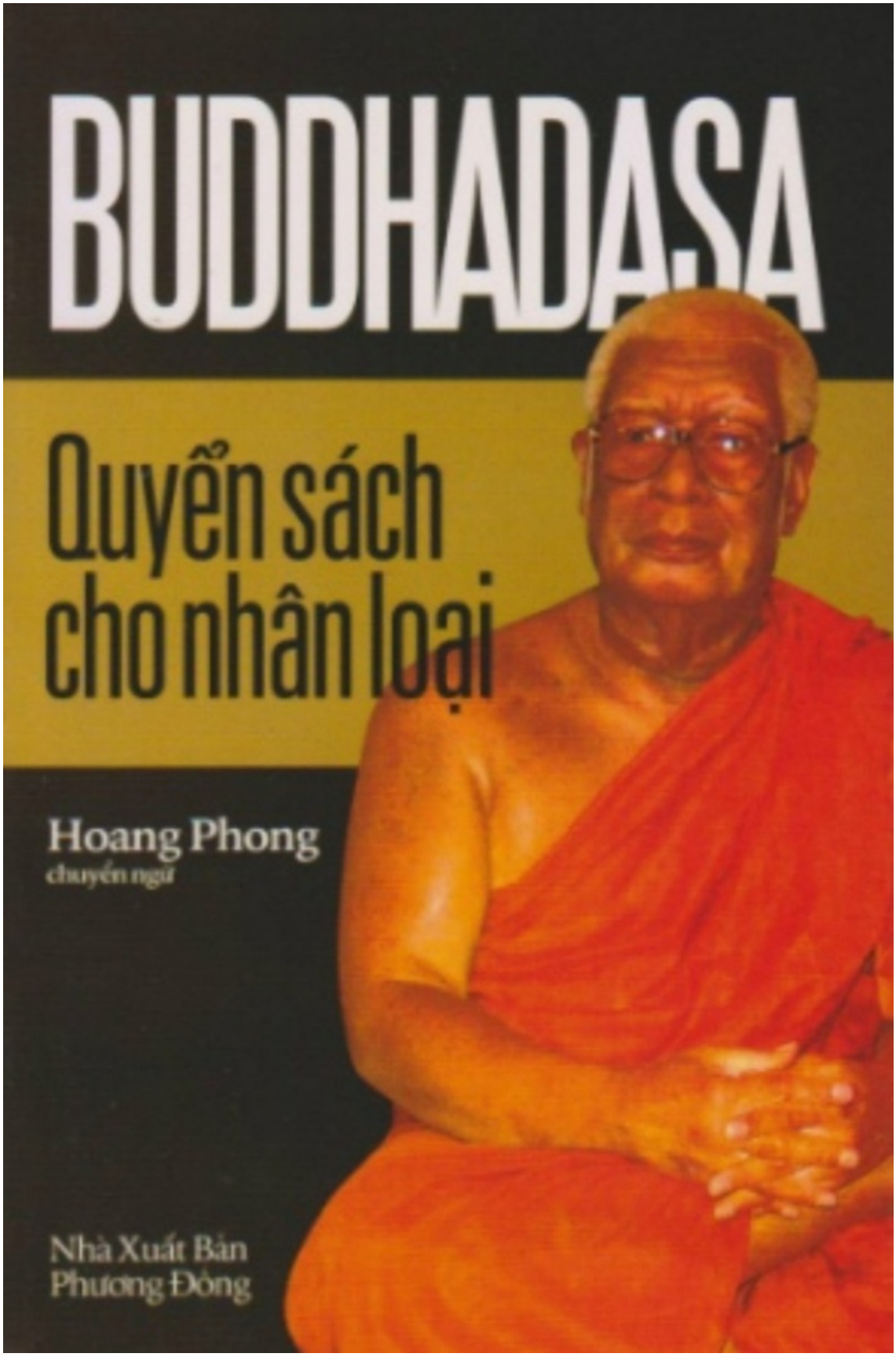
ISSN: 2734-9195 16:05 27/06/2026

Học thuyết này về sự cân bằng và hài hòa của mọi thứ trong tự nhiên vốn là "chủ nghĩa xã hội" thực sự, trở thành nền tảng triết học quan trọng để giải quyết các cuộc khủng hoảng môi trường và sinh thái mà nhân loại đang phải đối mặt hiện nay.

Buddhadasa là một trong những nhà cải cách Phật giáo có tầm ảnh hưởng lớn trong lịch sử **Phật giáo Thái Lan** thế kỷ vừa qua. Những kiến giải về Phật giáo của ông được đặt trong tiến trình cải cách Phật giáo ở Thái Lan do Vua Rāma IV khởi xướng trước đó.

Buddhadāsa đã kiến giải giáo lý Phật giáo, truyền thống thực hành Phật giáo Thái Lan với trí tuệ và và trải nghiệm tu tập thâm sâu, trong bối cảnh những đánh giá khác nhau về Chủ nghĩa xã hội và Chủ nghĩa tư bản tại châu Á, cùng với những tiến bộ khoa học thời đại và sự mở rộng của tầng lớp trung lưu trong xã hội Thái Lan.

Bộ sách "Dhammaghosa" được ông biên soạn thông qua các bài giảng của mình được kết tập thành hơn năm mươi tập là những tư tưởng có tầm ảnh hưởng sâu rộng tại Thái Lan. Ông là một trong những nhà tư tưởng Phật giáo Nguyên thủy tại Thái Lan có ảnh hưởng nhất sâu rộng với những kiến giải trên nhiều lĩnh vực Phật giáo ứng dụng trong chính trị, kinh tế và xã hội, đặc biệt là lý thuyết về Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp (Dhammic Socialism).



Chủ nghĩa xã hội tiếng Thái là “sungkomniyom”. “Sungkom” nghĩa là cộng đồng và xã hội, bắt nguồn từ tiếng Phạn “saṅgha”, trong khi từ “niyom” bắt nguồn từ một từ tiếng Phạn khác là “niyama”, nghĩa là kiềm chế và kiên nhẫn. Do đó, “sungkomniyom” có nghĩa là các thành viên cộng đồng biết kiềm chế và nhẫn

nại vì lợi ích và hạnh phúc chung và “Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp” có nghĩa là Chủ nghĩa xã hội vận hành trên nền tảng của Đạo Pháp.

Theo quan điểm của Buddhadāsa, “saṅgha” là cộng đồng bao gồm các tỳ kheo, tỳ kheo ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ. Đây là mô hình Phật giáo trong đời sống và cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Trong cộng đồng này, giới luật là yếu tố cơ bản gắn kết mọi thành viên. Buddhadāsa đã trình bày lý thuyết về “Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp” dựa trên sự tri kiến của ông về thiên nhiên, giáo lý của Đức Phật và truyền thống thực hành Phật giáo.

Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp và thế giới tự nhiên

Theo Buddhadāsa, chủ nghĩa xã hội bắt nguồn từ thiên nhiên. Trạng thái tự nhiên thuần túy là một hình ảnh điển hình về chủ nghĩa xã hội thuần túy. Ông tuyên bố: Toàn bộ vũ trụ là một hệ thống Xã hội chủ nghĩa. Vô số ngôi sao trên bầu trời cùng tồn tại trong một hệ thống xã hội chủ nghĩa; tất cả chúng đều đúng theo hệ thống xã hội chủ nghĩa, và đó là cách vũ trụ tồn tại. Hệ mặt trời của chúng ta có mặt trời là thủ lĩnh và các hành tinh, bao gồm cả trái đất, là đoàn tùy tùng. Chúng tồn tại nhịp nhàng trong một hệ thống Xã hội chủ nghĩa, nhưng chúng không quá điên rồ đến mức va chạm nhau (1).

Buddhadāsa đã phát triển những quan niệm của mình về "trạng thái tự nhiên" bằng cách kết hợp lý thuyết tiến hóa của phương Tây với học thuyết Phật giáo, đặc biệt là lý Duyên khởi. Nước nguyên thủy đã tạo ra các sinh vật đơn bào đầu tiên, và đây là khởi đầu của sự sống. Theo thời gian, các dạng sống đơn bào này tiến hóa thành các dạng đa bào rồi thành thực vật và động vật. Toàn bộ quá trình tự nhiên này có mối quan hệ qua lại và phụ thuộc lẫn nhau. Buddhadāsa nói: *Ngay cả một nguyên tử đơn lẻ cũng tồn tại trong mối quan hệ xã hội chủ nghĩa giữa các bộ phận phụ thuộc lẫn nhau. Trong một phân tử có ý tưởng xã hội chủ nghĩa: nhiều nguyên tử tạo nên một phân tử; nhiều phân tử tạo nên các mô kết hợp để tạo thành thịt và da, hoặc lá hoặc bất cứ thứ gì. Tất cả đều là một hệ thống xã hội chủ nghĩa.* (2)

Buddhadāsa đưa ra nhận xét rằng không có một loại sinh vật nào trong thế giới tự nhiên đó lấy nhiều hơn phần của nó. Trong số các sinh vật sống ở mọi cấp độ khác nhau, không có sinh vật nào tiêu thụ nhiều hơn mức nó cần. Các sinh vật đơn bào chỉ lấy những gì cấu trúc tế bào đơn giản của chúng cần để tồn tại. Các nhóm tế bào chỉ tiêu thụ đủ để nuôi dưỡng nhóm. Khi thực vật tiến hóa, mỗi cây chỉ tiêu thụ những gì nó cần để duy trì bản thân. Khi động vật tiến hóa - dù là cá, chim hay bất kỳ loài nào, tất cả đều chỉ tiêu thụ lượng thức ăn mà hệ thống

của chúng cần. Một con chim sẽ chỉ ăn lượng thức ăn mà bụng của nó và chim non của nó cần, không lấy gì ngoài nhu cầu sinh tồn.

Ông đưa ra một ví dụ về sinh lý học của cơ thể để hỗ trợ cho lời giải thích của mình: *Trong mỗi người đều có sẵn tâm ý xã hội chủ nghĩa. Nghĩa là, có rất nhiều bộ phận nơi con người hoạt động có mối quan hệ tương hỗ và không thể tách rời. Những người nghiên cứu giải phẫu học hoặc y học có thể hiểu rõ điều này. Mắt được kết nối với tai, tai với mũi, mũi với miệng. Không có một bộ phận nào có thể tồn tại độc lập.... Tất cả các cơ quan, lớn và nhỏ, phải hoạt động cùng nhau, thực hiện chức năng của chúng một cách phù hợp theo sự thật của các thành phần cơ thể, để tồn tại. Do đó, tinh thần của chủ nghĩa xã hội vốn tồn tại trong mỗi người.* (3)



Buddhadāsa tin rằng khi những thế hệ đầu tiên của loài người sống trên trái đất trong rừng rậm và hang động, họ không có chuồng trại để tích trữ thức ăn. Họ chỉ ăn để tồn tại, ra ngoài để thu thập thức ăn cho nhu cầu hàng ngày của họ. Buddhadāsa tuyên bố rằng trong thời kỳ đầu tiên này không có một cá nhân hay nhóm người nào tích trữ thặng dư, vì vậy không có khởi sinh bất kỳ vấn đề xã hội nào mà loài người phải đối mặt ngày nay. Những người đầu tiên sống trong chủ nghĩa xã hội tự nhiên trong hàng trăm nghìn hoặc hàng triệu năm. Loài người tồn tại cho đến nay là do thiên nhiên đã duy trì sự cân bằng xã hội chủ nghĩa trong suốt quá trình tiến hóa lâu dài.

Theo quan điểm của Buddhadāsa, sự cân bằng tự nhiên đã bị đe dọa khi một số con người bắt đầu tích trữ cho bản thân nhiều hơn những gì họ thực sự cần. Sự tích trữ này gây ra rắc rối và khan hiếm cho những người khác. Do đó, dẫn đến tranh chấp và cạnh tranh thay vì hợp tác. Con người đã sử dụng trí thông minh của mình để tìm cách tích trữ các nguồn tài nguyên như gạo, thực phẩm và những thứ khác, và tích trữ của cải và quyền lực để giành lợi thế hơn những người khác.

Theo Buddhadāsa, công lý sẽ xuất hiện trong xã hội nếu con người biết “trở về” trạng thái cân bằng của Chủ nghĩa xã hội tự nhiên. Đối với ông, Chủ nghĩa xã hội dựa trên các nguyên tắc tuân theo các quy luật tự nhiên, chúng ta không nên lấy nhiều hơn những gì chúng ta thực sự cần và biết chia sẻ phần thặng dư của mình cho những người có ít hơn.

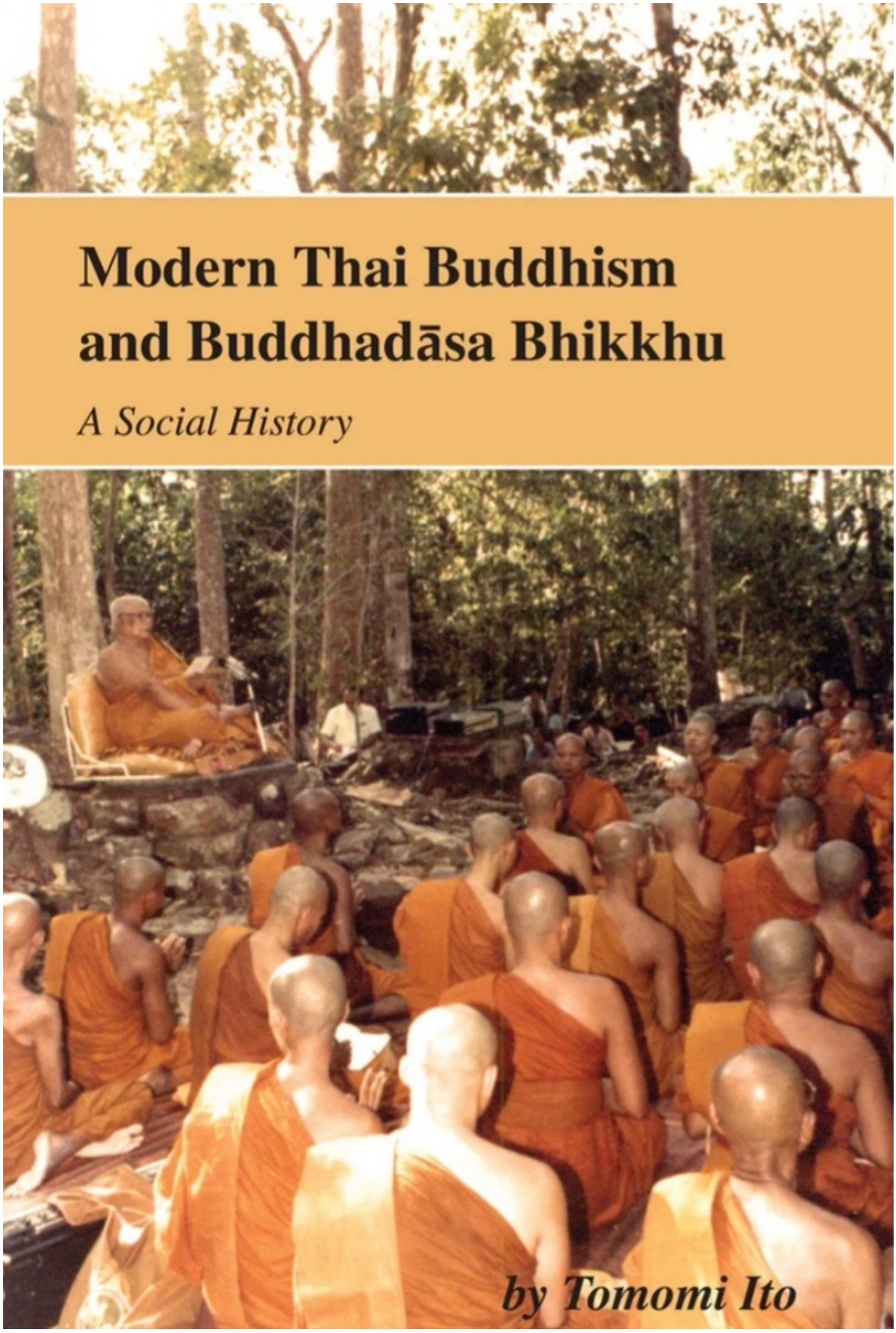
Tất cả chúng ta đều có quyền tự nhiên là sở hữu nhiều như chúng ta cần, nhưng không được nhiều hơn. Tất cả mọi người trên thế giới nên học cách chia sẻ với người khác, ngay cả những gì họ thấy là cần thiết cho bản thân. Sự hy sinh như vậy là một nguyên tắc đạo đức mà mọi người đều được hưởng lợi. Điều này không có nghĩa là chúng ta không tạo ra thặng dư: con người có quyền sản xuất nhiều hơn nhu cầu của chính mình và đây là điều tốt nếu nó được thực hiện vì lợi ích của người khác.

Đối với Buddhadāsa, Chủ nghĩa xã hội không phải là phát minh của con người, mà là một điều kiện tự nhiên nguyên thủy bao gồm cả thế giới loài người và động vật. Các vấn đề xã hội nảy sinh khi con người chống lại ý định ban đầu của Tự nhiên cho đến khi cuối cùng nảy sinh sự phân biệt giai cấp và đến mức cần phải xây dựng một hệ thống xã hội chủ nghĩa vì con người đã tách biệt mình khỏi Tự nhiên.

Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp và Tôn giáo

Buddhadāsa tin rằng bản chất của các tôn giáo trên thế giới là Chủ nghĩa xã hội trong đó đặc biệt Phật giáo bản chất chủ nghĩa xã hội cả ở phương diện giáo lý và thực hành. Đức Phật đã sinh ra trên thế giới này để giúp đỡ tất cả chúng sinh, không phải vì lợi ích của riêng một nhóm chúng sinh cụ thể nào và cũng không vì lợi ích của riêng đức Phật. Nếu chúng ta xem xét lòng tốt và tâm từ bi của đức Phật đối với tất cả chúng sinh, chúng ta sẽ thấy đó là hình thức cao nhất của chủ nghĩa xã hội. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa của Phật giáo được thể hiện trong quan niệm về Bồ tát.

Bồ tát là những bậc không chỉ giúp đỡ người khác, biết bỏ qua lợi ích vị kỷ của bản thân, thậm chí dâng hiến cả thân mạng của mình, để làm việc lợi ích cho mọi người.



Theo giáo lý Phật giáo, bốn chúng phật tử gồm các Tỳ kheo,Tỳ kheo ni, các cư sĩ nam và các cư sĩ nữ không được tiêu thụ quá phần của mình. Tiêu thụ quá mức là một điều sai trái và cũng là một sự nhiễm ô của thân tâm. Buddhadāsa tuyên bố rằng những Phật tử chân chính một cách tự nhiên đều vốn sẵn có tinh thần xã hội chủ nghĩa. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa tồn tại cả trong giáo lý Phật giáo và

trong việc thực hành của phật tử từ thời đức Phật cho đến hiện tại. Ông trích dẫn quá khứ như sau:

Nếu chúng ta quay ngược lại khoảng hơn 2000 năm trước, chúng ta sẽ gặp hệ thống xã hội chủ nghĩa hoàn hảo nhất, và nó đã tồn tại trong chính máu thịt của cộng đồng Phật giáo cho đến ngày nay - đến nỗi nếu chúng ta là Phật tử, thì đồng thời chúng ta cũng có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa trong chính con người mình. Đây là lý do tại sao chúng ta coi đồng loại là những bằng hữu cùng sống trong đau khổ, khi sinh ra, khi già đi, khi bệnh tật và khi qua đời. Tất cả con người đều chịu chung số phận của vô thường bởi vậy chúng ta đều là bằng hữu theo bất kỳ cách nào và vì vậy sống trong cuộc đời, chúng ta không thể bỏ rơi bất kỳ một ai. Đặc biệt, những người lớn tuổi có thể nhớ cách tổ tiên đã dạy chúng ta, cần biết quan tâm đến cảm xúc của người khác, trở nên vị tha hơn, biết coi người khác đều cùng chung nỗi khổ đau của đời sống làm người là sinh, già, bệnh và chết. Đây là một lý tưởng xã hội chủ nghĩa thuần túy, và nó thực sự đã được đưa vào thực tế, không chỉ trên lời nói hay những diễn ngôn giả tạo chỉ để lừa dối, bảo vệ lợi ích vị kỷ của chính mình, mà thiếu sự chân thành.

Ý nghĩa của Chủ nghĩa xã hội trong nhận thức của Buddhadāsa là hành động không lấy nhiều hơn phần hợp pháp của mình và chỉ tiêu thụ những gì cần thiết để phần còn lại có thể được sử dụng mang lại lợi ích cho người khác. Giáo lý trong cả Kinh và Luật đều chỉ rõ rằng các tu sĩ Phật giáo phải sống và tu tập bằng bốn sự hỗ trợ. Giáo lý dạy mỗi người Phật tử phải biết vừa lòng với những gì mình có. Những Phật tử chân chính phải vừa lòng với bốn sự hỗ trợ là những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Bất cứ thứ gì không phải là nhu cầu thiết yếu nên được để lại giành cho lợi ích của cộng đồng. Buddhadāsa nói về xã hội Thái Lan trong quá khứ:

Trong quá khứ, đạo đức vốn nằm trong chính máu thịt của con người. Ví dụ, tất cả những người theo đạo Phật đều nuôi dưỡng tâm trung thực, lòng biết ơn, sự kiên nhẫn và vị tha trở thành những phẩm chất không thể thiếu trong chính bản thể của họ. Không ai phải dạy những điều này. Con cái chỉ cần quan sát cha mẹ mình. Vì cha mẹ sống và là biểu tượng của các phẩm chất này, nên đạo đức được truyền lại cho con cái... Sự truyền thừa này được thực hành qua những thế hệ tổ tiên của chúng ta, được duy trì và trở thành một phần cốt lõi trong văn hóa gia đình và quốc gia.(4)

Buddhadāsa quan sát thấy rằng khi dân làng trong khu phố của ông ra ngoài chăm sóc ruộng lúa, vườn hoặc cánh đồng, họ đọc câu thơ nhỏ này khi họ gieo hạt giống: "Nếu chim ăn nó, đó là công đức; nếu mọi người ăn nó, đó là từ thiện." Dân làng cho rằng nếu chim ăn trái cây của họ, họ sẽ nhận được công

đức, và nếu một người đói lấy đi trái cây của họ, đó sẽ là từ thiện của họ. Vì vậy, người dân có xu hướng trồng đủ, đồng thời cho phép các loài chim và những người đói có thể dùng một phần cây trái thu hoạch.

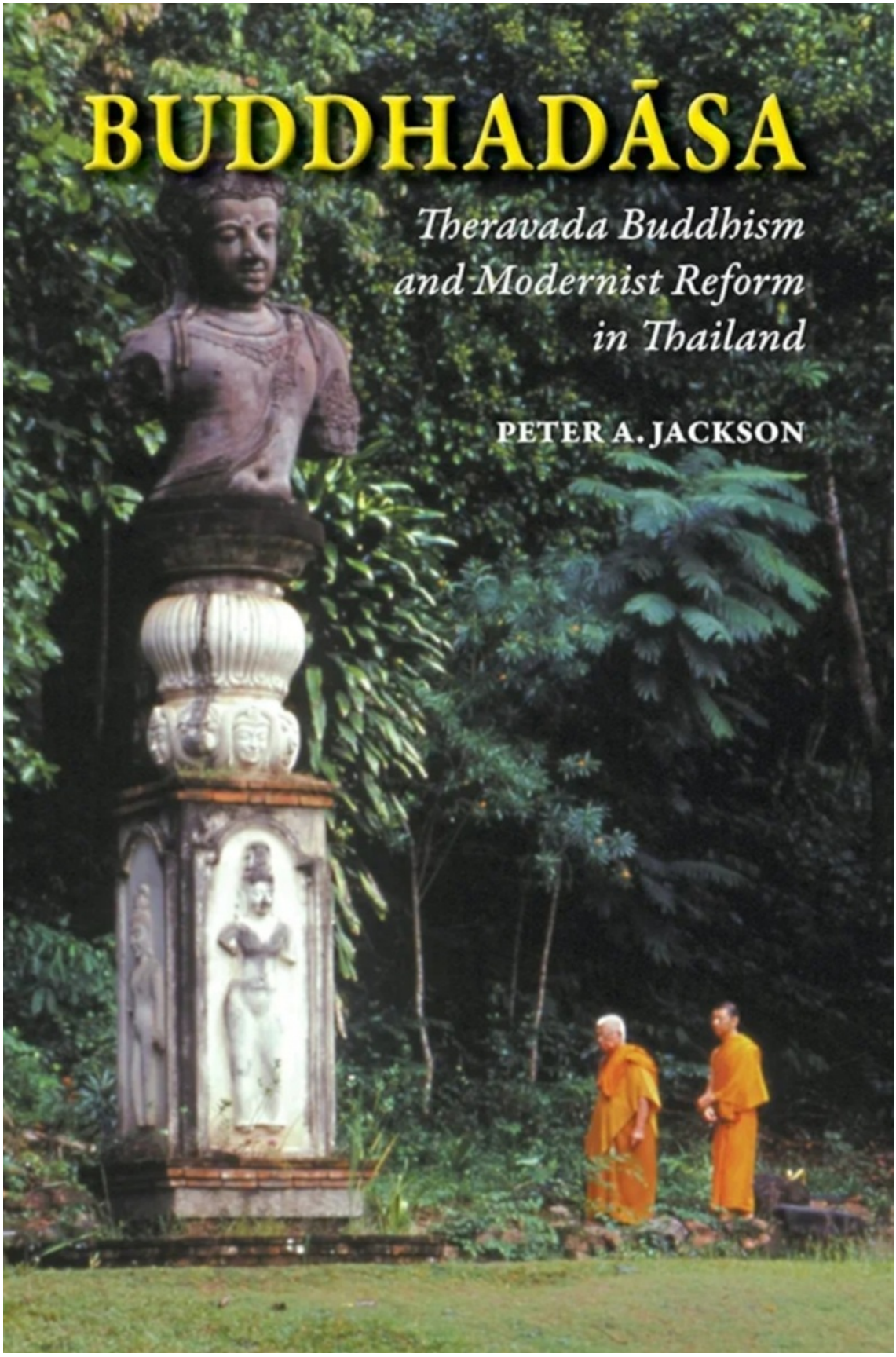
Buddhadāsa cho rằng Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp là trạng thái cân bằng của mọi sự vật hiện tượng. Khi con người thiếu sự cân bằng tự nhiên này, họ phải trải qua những khổ đau dưới mọi hình thức như bất công xã hội, căng thẳng và lo âu. Do đó, các khủng hoảng xã hội là dấu hiệu của sự thiếu cân bằng tự nhiên.

Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp và Đạo đức xã hội

Buddhadāsa phân biệt giữa Chủ nghĩa xã hội và Chủ nghĩa cá nhân. Ông cho rằng công tác phục vụ xã hội phải dựa trên nguyên tắc “ưu tiên xã hội”, nếu không nó sẽ trở thành “ưu tiên cá nhân”, phục vụ lợi ích của cá nhân.

Theo quan điểm của ông, Chủ nghĩa xã hội phải tập trung vào phúc lợi của mọi người trong mọi lĩnh vực của xã hội và vào việc xem xét và giải quyết các vấn đề xã hội ở mọi cấp độ.

Trong một xã hội mà lợi ích cá nhân được coi trọng hơn lợi ích công cộng, sẽ rất khó để giải quyết các vấn đề xã hội một cách chính xác và hiệu quả.



Buddhadāsa chỉ trích “chủ nghĩa cá nhân”, vốn là nền tảng của xã hội dân chủ nói chung, là không có khả năng cung cấp nền tảng phúc lợi cho phần lớn mọi người trong xã hội vì nó hướng đến lợi ích cá nhân nhiều hơn lợi ích cộng đồng. Ngược lại, Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp tập trung nhiều hơn vào lợi ích cộng đồng

và có thể cứu thế giới khỏi sự tự hủy diệt của chủ nghĩa cá nhân, phát triển vật chất, chủ nghĩa tiêu dùng, tâm ích kỷ và sự phá hủy tài nguyên- thiên nhiên. Theo Buddhadāsa, các vấn đề xã hội phát sinh cùng với sự hình thành xã hội. Khi con người sống biệt lập hoặc trong các nhóm nhỏ, như trong Thời kỳ đồ đá, các vấn đề xã hội không phát sinh hoặc chỉ phát sinh với số lượng nhỏ. Khi dân số loài người tăng lên và tập hợp thành các nhóm lớn hơn, các vấn đề xã hội bắt đầu xuất hiện. Khi xã hội phát triển và mở rộng, con người bắt đầu ngược đãi lẫn nhau và các vấn đề phát triển trở thành khủng hoảng.

Buddhadāsa nhìn thẳng vào lịch sử và gợi ý rằng để mang lại hòa bình cho toàn thể nhân loại, chúng ta phải quay trở lại con đường của Đạo Pháp, đó là sự hòa hợp của Chủ nghĩa xã hội tự nhiên. Bất kỳ thiết chế nào trong xã hội cũng phải luôn dựa trên cơ sở này. Buddhadāsa thấy rằng hình thức dịch vụ xã hội cao nhất mà người ta có thể thực hiện trong thời điểm hiện tại là giúp mọi người quay trở lại với điều đúng đắn. Con người ngày nay đã đi chệch hướng quá xa đến nỗi có vẻ như thế giới đang hướng đến thảm họa.

Theo quan điểm của Buddhadāsa, sự trở về với điều đúng đắn là sự thừa nhận rằng tất cả con người đều phải đối mặt với cùng một vấn đề cơ bản: vượt qua những khổ đau. Vấn đề cơ bản này không phải là vấn đề vật chất, như vấn đề quá tải dân số hay nghèo đói, mà là vấn đề về sự ô nhiễm tinh thần, lòng tham và sự ngu dốt bên trong chính con người. Do đó, cách tiếp cận đúng đắn để giải quyết các vấn đề xã hội phải hướng đến những nguyên nhân bên trong gây ra đau khổ này. Do đó, mọi xã hội phải hướng tới giúp con người cùng nhau vượt qua đau khổ này. Ông đưa ra ý tưởng rất sâu sắc như sau:

Thật nực cười khi chỉ nói đến việc giải quyết các vấn đề đói nghèo, mù chữ và bệnh tật. Đây không phải là những vấn đề thực sự; chúng chỉ là triệu chứng. Gốc rễ của vấn đề vẫn chưa được giải quyết. Gốc rễ của vấn đề là con người không có đạo đức, không có tôn giáo và đã đi chệch khỏi ranh giới của tôn giáo. Nếu chúng ta giải quyết những vấn đề như nạn mù chữ và đói nghèo, vậy liệu con người có hạnh phúc hơn không? Có rất nhiều người chưa bao giờ học đọc và họ hạnh phúc hơn những người biết chữ nhất trong số chúng ta. (5)

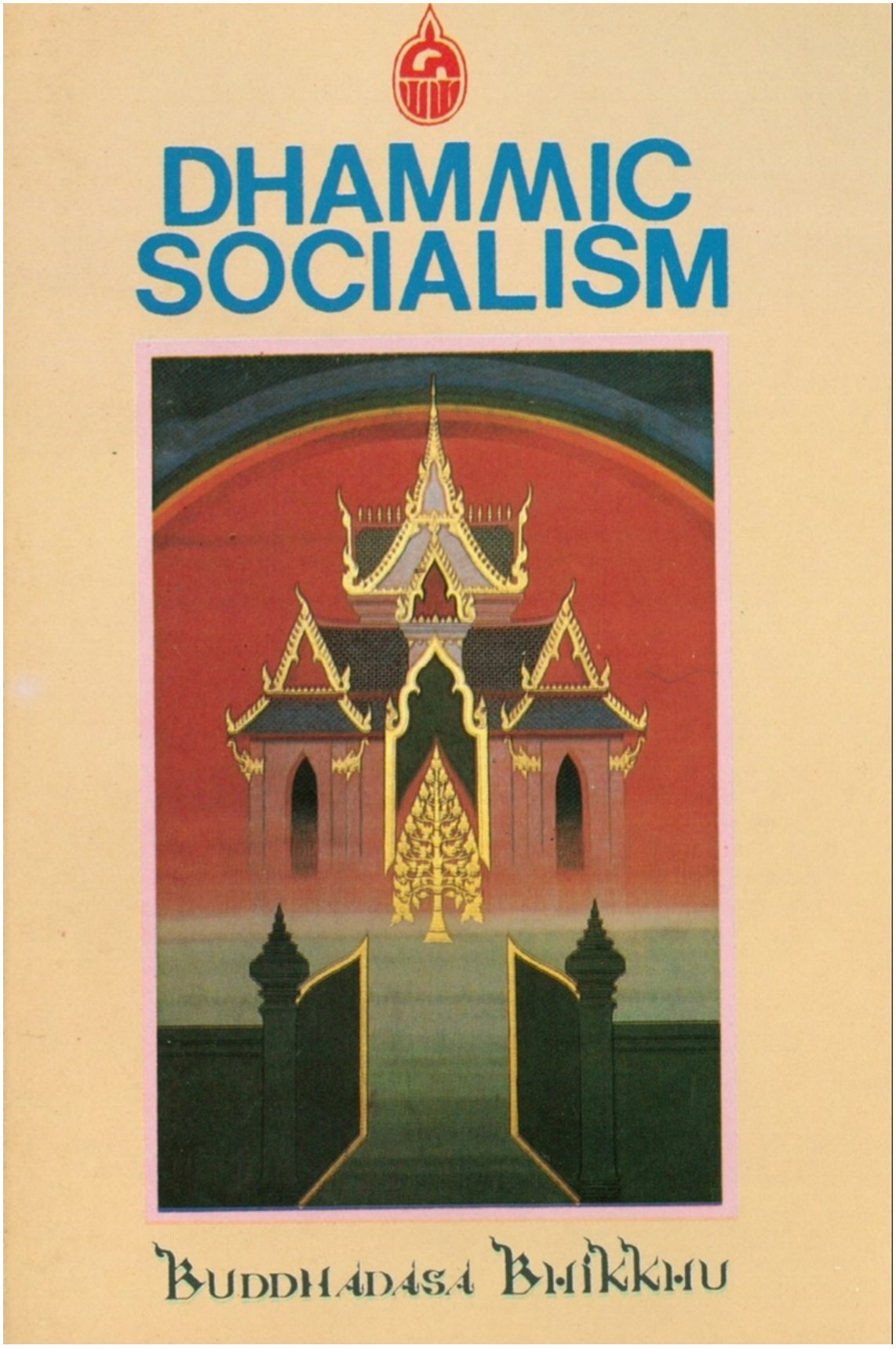
Buddhadāsa chỉ trích những nỗ lực hiện đại nhằm giải quyết các vấn đề xã hội chủ yếu là vì lợi ích cá nhân hoặc danh tiếng. Do đó, các giải pháp không hiệu quả. Ví dụ, ngày nay, con người cố gắng giải quyết khủng hoảng xã hội nhưng không bao giờ thành công: làm sao những người ích kỷ đã tạo ra khủng khoảng lại có thể giải quyết được? Bất kể có bao nhiêu người ích kỷ tập hợp lại để thành lập bao nhiêu tổ chức thế giới, vì những tổ chức đó còn tâm ích kỷ, vậy làm sao họ có thể giải quyết được các vấn đề của thế giới do sự ích kỷ tạo ra?

Là một nhà lãnh đạo tôn giáo, Buddhadāsa lên án việc giết chóc, chiến tranh và những đối tượng chuẩn bị cho chiến tranh. Thảm họa chiến tranh đã đe dọa mọi hình thức sống. Ngay cả động vật cũng bị ảnh hưởng bởi sự tàn bạo của loài người, mặc dù trong nhiều trường hợp không cố ý. Ông khuyên mỗi con người nên quay trở lại với nền tảng của tâm thiện và lòng từ bi vốn sẵn có nơi mình.

Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp và chủ nghĩa tư bản

Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp và chủ nghĩa tư bản khác nhau về bản chất trong nền kinh tế, về tư tưởng chính trị và phẩm chất của các nhà lãnh đạo. Buddhadāsa đã chỉ ra một số khác biệt quan trọng giữa “những nhà tư bản” của thời hiện tại và những người giàu có (Setthi) vào thời Đức Phật. Theo ông, những nhà tư bản là những người tích lũy tài sản dư thừa để hưởng lợi cho bản thân. Ngược lại, setthi theo Phật giáo, là những người giành nguồn tài sản dư thừa của mình xây dựng những ngôi nhà bố thí để giúp đỡ người khác. Nhà bố thí là nơi người nghèo có thể nhận được những vật dụng cần thiết mà bản thân đang thiếu. Địa vị của setthi vào thời đó được xác định bởi số lượng nhà bố thí mà bản thân đã xây dựng. Nếu một người không xây dựng nhà bố thí nào, anh ta không được coi là một setthi, trong khi một người xây dựng càng nhiều nhà bố thí, anh ta càng được coi là một setthi.

Theo Buddhadāsa, nếu không có tâm thiện và lòng thương lẫn nhau và sự bố thí, người giàu chỉ là những nhà tư bản tích lũy của cải và quyền lực cho riêng mình. Họ sẽ ngược đãi người lao động để kiếm lợi nhuận và tái đầu tư những khoản lợi nhuận này để tăng thêm lợi nhuận. Buddhadāsa đề xuất rằng setthi trong một hệ thống xã hội chủ nghĩa sẽ sử dụng người lao động vào sản xuất vì phúc lợi của công chúng. Người giàu không nên là những nhà tư bản tích lũy của cải của riêng mình và đồng thời áp bức người lao động, mà nên là những setthi sử dụng địa vị xã hội và kinh tế của bản thân để mang lại lợi ích cho người lao động và người nghèo.



Buddhadāsa chỉ ra rõ ràng rằng trong chủ nghĩa tư bản hiện nay, con người đang hủy hoại tài nguyên thiên nhiên và môi trường thế giới. Ông cho rằng tài nguyên thiên nhiên đang bị lãng phí và sử dụng vào nhiều mục đích vô ích, thường theo những cách thiếu sáng tạo như sản xuất vũ khí. Buddhadāsa thấy rằng tích trữ tài nguyên nhiều hơn mức cần thiết sẽ gây ra tình trạng khan hiếm

và dẫn đến nghèo đói. Do đó, không khai thác hoặc tiêu thụ nhiều hơn mức cần thiết là giải pháp cho vấn đề nghèo đói.

Theo Buddhadāsa, con người đã áp bức và hủy hoại Thiên nhiên quá nhiều đến nỗi nhiều loài động vật và thực vật đã tuyệt chủng. Ông giải thích rằng bản thân tài sản là trung tính, không tốt cũng không xấu. Tuy nhiên, sự ích kỷ đã trở thành nguyên nhân gây ra bất công khiến một người trở nên giàu hơn và một người khác trở nên nghèo hơn. Do đó, người giàu nên làm việc chăm chỉ để giúp giảm bớt đau khổ cho người nghèo, trong khi người nghèo nên cải thiện bản thân bằng cách làm việc chăm chỉ hơn và tránh xa những tệ nạn dẫn đến nghèo đói.

Buddhadāsa ủng hộ việc sử dụng và phát triển công nghệ nếu nó vì lợi ích của toàn xã hội. Ông ủng hộ việc sử dụng công nghệ để tạo ra thặng dư, nhưng thặng dư đó phải được phân bổ một phần cho những người nghèo, không phải vì lợi nhuận của cá nhân. Ông tin rằng nếu mọi người sử dụng công nghệ để sản xuất nhu yếu phẩm và nếu có sự chia sẻ, mọi người sẽ dễ dàng có đủ để sống. Ông tin rằng nếu những sản phẩm đó được sử dụng trong lĩnh vực Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp, hòa bình sẽ nhanh chóng xuất hiện trên thế giới của chúng ta. Ngược lại, công nghệ lãng phí chỉ làm kích thích các tật xấu của con người và phá hủy tài nguyên thiên nhiên cùng môi trường.

Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp và Dân chủ

Theo Buddhadāsa, chính trị thực sự là cuộc đấu tranh với những sự thiếu hiểu biết, quan điểm sai lầm và thói say mê quyền lực vị kỷ. Chính trị trong thế giới tư bản chỉ là công cụ để lợi dụng người khác. Các chính trị gia chỉ nói những gì phục vụ cho lợi ích của họ. Điều này đã làm hoen ố ý nghĩa đích thực của chính trị. Buddhadāsa khuyên chúng ta hãy xem chính trị là vấn đề thuộc lĩnh vực đạo đức. Khi chính trị trở thành vấn đề đạo đức, nó sẽ có thể giúp ích cho thế giới. Ông nói:

Khi suy ngẫm kỹ càng, bạn sẽ thấy rằng việc áp dụng chính trị đúng đắn là một vấn đề đạo đức. Nếu nó là đạo đức thì đó là Pháp (Dharma), tức là chân lý tự nhiên. Nếu đó là chính trị không trung thực, không phải là đạo đức, thì có nghĩa nó không phù hợp với chân lý tự nhiên và khiến mọi người hủy diệt lẫn nhau.

Theo quan điểm của ông, “Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp” có đạo đức hơn bất kỳ hệ thống chính trị nào khác, vì nó dựa trên lợi ích của lợi ích chung và vì nó đưa xã hội trở lại trạng thái bình thường.

Về chính phủ “dân chủ”, Buddhadāsa cảm thấy rằng trong một số trường hợp, hệ thống có thể là công cụ để tìm kiếm lợi ích cá nhân và phá hủy người khác, nhưng nó cũng có thể là công cụ để tạo ra hòa bình. Về mặt xã hội, dân chủ có thể dẫn đến sự giàu có về kinh tế, tự do cá nhân và quyền con người, nhưng về mặt giá trị tinh thần, các quyền và sự tự do bị chi phối bởi những tư tưởng nhiễm ô là các quyền và sự tự do của ảo tưởng trong chủ nghĩa vật chất. Theo nghĩa này, dân chủ dẫn đến chủ nghĩa tiêu thụ, và chủ nghĩa tiêu thụ chắc chắn sẽ phá hủy những tư tưởng mang đến lợi ích chung như giáo lý Phật giáo đã chỉ ra.

Buddhadāsa chia dân chủ thành hai loại: “dân chủ tự do” và “dân chủ xã hội chủ nghĩa Đạo Pháp”. Dân chủ tự do là loại được biết đến ở các nước phương Tây. Về lý thuyết, nó thúc đẩy bình đẳng, quyền lợi và tự do của cá nhân cũng như sự giàu có về vật chất. Theo quan điểm của Buddhadāsa, loại sau không bao giờ thỏa mãn được những ham muốn vô tận của con người, và cũng phá hủy tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái của thế giới. Ông tuyên bố: Dân chủ tự do mang lại sự tự do hoàn toàn. Nhưng nó không định nghĩa sự tự do này là gì, để những ô nhiễm của con người có cơ hội có được một số tự do của riêng chúng. Một khi những độc tố trong thân tâm con người có sức mạnh, chúng sẽ kiểm soát cách sử dụng tự do. Mặc dù lý tưởng về tự do rất đẹp về mặt triết học, nhưng nó không thể được đưa vào thực tế. Triết lý này không đủ sức mạnh để chống lại tác hại của những độc tố trong thân tâm con người. Do đó, loại dân chủ này không an toàn, bởi vì những người còn nhiều độc tố sẽ tạo cơ hội cho chúng ngày một phát huy tác dụng của riêng mình.(6)

Buddhadāsa cũng lập luận rằng khái niệm phương Tây về “tự do” hay “dân chủ tự do” đã trở thành chủ nghĩa cá nhân, với sự tập trung chuyển từ lợi ích cộng đồng sang lợi ích cá nhân. Sự nhấn mạnh quá mức vào tự do cá nhân của những chúng sinh chưa giác ngộ, những người vẫn còn nhiều độc tố trong thân tâm, mâu thuẫn với bản chất chân thực của “chính trị”, tức là tập trung nơi phúc lợi tập thể của xã hội. Một hệ thống chính trị không tập trung vào mục đích này được coi là thiếu đạo đức.

Ngược lại, nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa Đạo Pháp thúc đẩy tâm thiện và lòng trắc ẩn giữa con người với con người. Theo Buddhadāsa, sự giàu có về vật chất trong một hệ thống kinh tế Xã hội chủ nghĩa Đạo Pháp sẽ được phân bổ công bằng thông qua tâm bố thí và những hành động chia sẻ. Khái niệm bố thí của Phật giáo sẽ củng cố sự giàu có về đời sống tinh thần của con người, đồng thời làm giảm tầm quan trọng của chủ nghĩa tiêu dùng.

Buddhadāsa chỉ trích chính phủ dân chủ lập hiến là một thể chế khuyến khích mọi người tìm kiếm của cải vật chất bằng cách sẵn sàng hy sinh lợi ích chung. Ông tuyên bố rằng nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa Đạo Pháp coi lợi ích cộng đồng là ưu tiên hàng đầu. Bằng cách không cho phép cá nhân sở hữu các nguồn tài nguyên dư thừa cho riêng mình, nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa Đạo Pháp là nguyên tắc cân bằng tự nhiên và tôn trọng quyền của tất cả chúng sinh.Nhận thức của Buddhadāsa về dân chủ rõ ràng rất khác so với phương Tây. Trong khi Buddhadāsa khuyến khích phân phối thu nhập dựa trên lý tưởng của Phật giáo về tâm thiện, lòng từ bi và bố thí.

Quan điểm về Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp và vai trò của nhà lãnh đạo

Theo Buddhadāsa, một chính phủ công bằng xuất phát từ những nhà lãnh đạo có đạo đức và biết đặt phúc lợi cộng đồng lên trên lợi ích bản thân. Ông trích dẫn lý thuyết về nguồn gốc của nhà lãnh đạo chính trị được nêu trong Kinh Khởi Thế Nhân Bổn (Aggañña Sutta), trong đó nêu rằng, ở thời quá khứ, con người sống cùng nhau trong rừng rậm và không có nền văn minh mà chúng ta biết ngày nay. Với những nguồn lực đáp ứng đủ cho nhu cầu của mình, họ chung sống với nhau một cách hòa bình.

Tình trạng nguyên thủy của chủ nghĩa xã hội này tồn tại cho đến khi con người bắt đầu tích trữ, trộm cắp và cãi vã do bị loại độc tố là tâm tham chi phối. Họ lợi dụng lẫn nhau và những tranh chấp lan rộng khắp cả nước. Vua Sammatirāja, vị vua đầu tiên trên thế giới, đã mang lại hòa bình và trật tự. Ông có đủ sức mạnh, trí tuệ và công bằng. Ông mang lại sự hài lòng cho tất cả các nhóm thần dân của mình, chấm dứt tranh chấp và hướng dẫn mọi người, làm họ hài lòng, trừng phạt những kẻ làm sai và khen thưởng những người có công.

Theo quan điểm của Buddhadāsa, các nhà lãnh đạo chính trị phải là những vị vua pháp (dhammarājā), những người cai trị đất nước dựa trên Đạo Pháp. Những phẩm chất của một vị vua bao gồm: 1.Bố thí. Nhà lãnh đạo không nên bị mê hoặc bởi sự giàu có và tài sản của mình, mà phải biết chia sẻ vì phúc lợi của người dân. 2. Đạo đức. Nhà lãnh đạo không bao giờ được hủy hoại cuộc sống, lừa đảo, trộm cắp hoặc bóc lột người khác. Người đó không được ngoại tình, nói dối hoặc dính líu đến chất gây nghiện. Nghĩa là, người đó phải tuân thủ ít nhất Năm giới luật. 3. Ưu tiên lợi ích cộng đồng. Nhà lãnh đạo phải sẵn sàng từ bỏ mọi tiện nghi, tên tuổi và danh tiếng cá nhân, thậm chí cả thân mạng của mình, vì lợi ích của người dân. 4. Trung thực. Nhà lãnh đạo phải thực hiện nhiệm vụ của mình mà không sợ hãi hay thiên vị; người đó phải chân thành và không lừa

dối công chúng. 5. Lòng nhân từ và sự dịu dàng. Nhà lãnh đạo phải có bản tính khiêm nhường và không kiêu ngạo. 6. Thoát khỏi những ô uế. Nhà lãnh đạo phải sống một cuộc sống giản dị, và không đắm chìm trong cuộc sống xa hoa. Người đó phải có khả năng tự chủ. 7. Không sân giận. Nhà lãnh đạo phải biết kiềm chế sự oán giận, đố kỵ và ác ý. 8. Bất bạo động. Nhà lãnh đạo không được làm hại hoặc bóc lột bất kỳ ai, phải thúc đẩy hòa bình và phải tránh chiến tranh, xâm lược hay hủy diệt sự sống. 9. Nhẫn nại. Nhà lãnh đạo phải biết kiên nhẫn chịu đựng những khó khăn, gian khổ và sự sỉ nhục mà không mất bình tĩnh. 10. Không chệch khỏi sự chính nghĩa. Nhà lãnh đạo phải thiết lập bản thân trong sự chính nghĩa và không chống lại ý chí và phúc lợi của người dân.

Phẩm chất lãnh đạo rất quan trọng trong Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp của Buddhadāsa. Nếu một nhà lãnh đạo có đầy đủ phẩm chất như trên, hệ thống chính quyền cũng sẽ có những phẩm chất tương ứng. Ngược lại, một nhà lãnh đạo thiếu những phẩm chất sẽ khiến toàn bộ hệ thống trở nên suy đồi. Do đó, việc quản lý xã hội theo Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp phụ thuộc trước hết vào đức hạnh, trách nhiệm và năng lực ra quyết định của nhà lãnh đạo.

Buddhadāsa cho rằng các thủ tục dân chủ có hạn chế là cần có thời gian và cộng đồng thường mất cơ hội. Do đó, ông bổ sung khái niệm “chuyên chế”, không phải là chuyên chính mà dựa trên nền tảng lòng nhân từ và bảo vệ lợi ích cộng đồng. Theo ông, chuyên chế có hai nghĩa. Là một lý tưởng chính trị, chẳng hạn như trong chế độ toàn trị quân sự, thì chắc chắn không được mong muốn, nhưng là một phương tiện để đạt được mục tiêu mong muốn, nó có nghĩa là có thể xử lý mọi việc một cách nhanh chóng. Khái niệm về chế độ độc tài của ông xuất hiện trong giai đoạn đấu tranh chính trị từ năm 1973 đến năm 1976. Vào thời điểm đó, nền dân chủ dường như không thể giải quyết được các hệ tư tưởng chính trị xung đột của phe cánh hữu và cánh tả ở Thái Lan. Do đó, ông đề xuất cách tiếp cận “chuyên chế chính nghĩa” để chấm dứt hận thù và đấu tranh và khôi phục hòa bình cho xã hội.

Học thuyết “Chủ nghĩa xã hội Đạo Pháp” của Buddhadāsa là một thế giới quan lý tưởng của Phật giáo. Ý nghĩa của cách tiếp cận chính trị của Buddhadāsa là “chủ nghĩa xã hội pháp” là một lời phê phán về tư duy kinh tế và chính trị phương Tây hiện đại. Ngoài ra, học thuyết này về sự cân bằng và hài hòa của mọi thứ trong tự nhiên vốn là “chủ nghĩa xã hội” thực sự, trở thành nền tảng triết học quan trọng để giải quyết các cuộc khủng hoảng môi trường và sinh thái mà nhân loại đang phải đối mặt hiện nay. Là một nhà tư tưởng Thái Lan quan trọng, ông cũng đặt nền tảng đạo đức cho các nhà tư tưởng Thái Lan khác sử dụng trong việc tạo ra các quan điểm chính trị mới, nhằm tìm ra những cách tiếp cận có thể thực sự được sử dụng để giải quyết các vấn đề của đất nước dựa

trên nền tảng trí tuệ và văn hóa Thái Lan.

Tác giả: **Ts Cao Xuân Sáng -** *Đại học Sư Phạm Kỹ thuật Hưng Yên*

Chú thích:

1] Bhikkhu Buddhadāsa,"*The Socialism that can Save the World*," in Bhikkhu Buddhadāsa, Dhammic Socialism, p. 117.

2] Ibid., p. 124. 6 Ibid., pp. 65-66. 7 Ibid. 192 The Chulalongkorn Journal of Buddhist Studies Vol. 2 No. 2, 2003

3] Ibid., p. 22. *Buddhadāsa Bhikkhu and Dhammic Socialism* Tavivat Puntarigvivat 193

4] Ibid. 15 Ibid. 196 The Chulalongkorn Journal of Buddhist Studies Vol. 2 No. 2, 2003

5] Bhikkhu Buddhadasa, "*Socialism according to Buddhism*," in Ibid., p. 65.

6] Bhikkhu Buddhadāsa, *Socialist Democracy*, p. 4. 198 The Chulalongkorn Journal of Buddhist Studies Vol. 2 No. 2, 2003